

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC- Ô MÔN

Địa chỉ: Lô 12A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Website: www.tranoc-omonwaco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC- Ô MÔN





MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY	1
Thông tin chung	3
Quá trình hình thành và phát triển	4
Nghành nghề và địa bàn kinh doanh	5
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	6
Định hướng phát triển	7
Rủi ro	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
Tổ chức và nhân sự	15
Tình hình hoạt động đầu tư	20
Tình hình tài chính	21
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	23
Báo cáo tác động môi trường và xã hội	24
III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	27
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	29
Tình hình tài chính	30
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	31
Kế hoạch phát triển trong tương lai	32
Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán	34
IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	37
Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc	38
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	39
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	41
Hội đồng quản trị	43
Ban kiểm soát	47
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	50
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017	51



I

GIỚI THIỆU CÔNG TY



- ✓ Thông tin chung
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC- Ô MÔN	
Giấy CNĐKDN số:	1801548417 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2017	
Vốn điều lệ:	53.188.000.000 VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	53.188.000.000 VND	
Địa chỉ:	Lô 12A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ	
Số điện thoại:	(0292) 3843 392	
Số fax:	(0292) 3744 126	
Website:	www.tranoc-omonwaco.com.vn	Logo công ty:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2012

Chi nhánh Cấp nước Trà Nóc thành lập theo Quyết định số 156/QĐ.CN năm 2001. Ngày 11/02/2004 Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc thành lập. Năm 2007, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Nóc chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, trở thành Công ty thành viên của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc.

2013

Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn cung cấp nước sinh hoạt, quản lý địa bàn quận Ô Môn, huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ. Tháng 02/1991, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hậu Giang (cũ), nhà máy nước Ô Môn được sáp nhập, trở thành bộ phận của Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ. Năm 2007, Xí nghiệp cấp thoát nước Ô Môn cổ

phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ô Môn, là thành viên của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Đến năm 2013 đổi tên thành Công ty Cổ phần cấp nước Ô Môn.

2017

CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn chính thức thành lập trên cơ sở hợp nhất CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc hợp nhất CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn.

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/7/2017, với vốn Điều lệ 53.188.000.000 đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.



Thi công công trình cấp, thoát nước.



Công ty đang cung cấp nước tại địa bàn Thành phố Cần Thơ. Đây là địa bàn hoạt động chính của công ty.

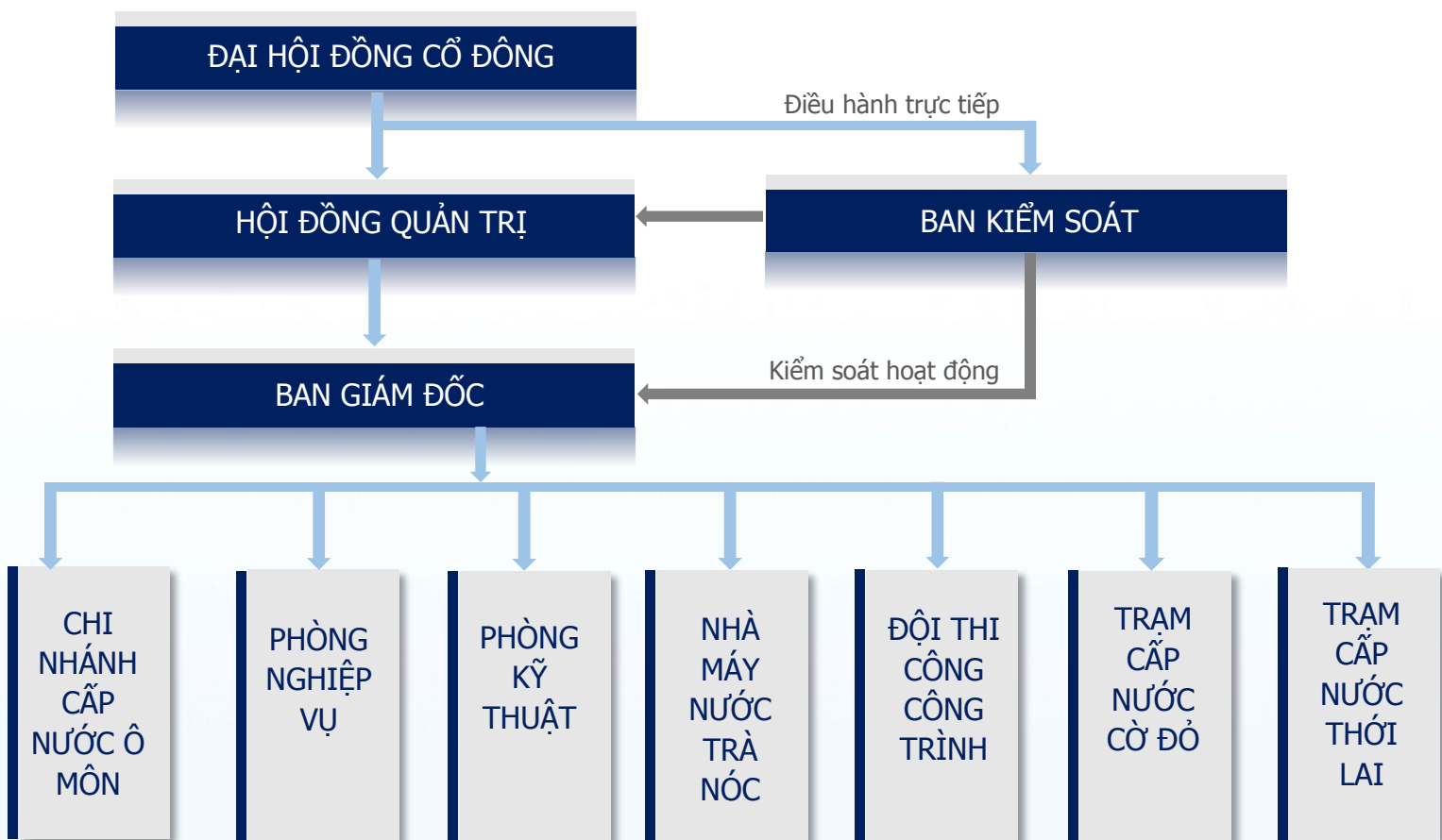


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU TỔ CHỨC



Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tổ chức sản xuất phù hợp với quy mô hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2018 và hướng tới sự phát triển bền vững của công ty.
- Đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh chính là cấp nước, mở rộng và nâng cao chất lượng các nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung cấp nước. Bên cạnh đó, công ty từng bước phấn đấu phát triển quy mô và vị thế trong dịch vụ cấp nước hàng đầu khu vực.
- Cơ cấu lại bộ máy quản lý đồng thời nâng cao chất lượng chuyên môn của nhân viên. Nâng cấp trang thiết bị hiện đại nhằm giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý kinh doanh

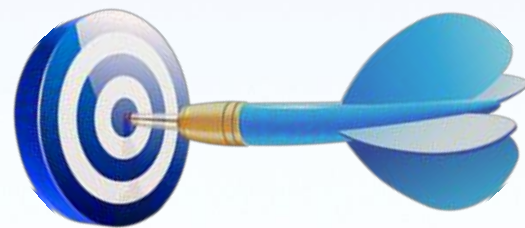
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



- ✓ Tích cực tuyển dụng, tìm kiếm nhân viên có năng lực, chất lượng chuyên môn tốt, kỹ sư chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của công ty, từng bước xây dựng phát triển công ty.
- ✓ Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, quản lý nhân sự nhằm tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tập trung phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm phục vụ tốt hơn cho đời sống sản xuất và sinh hoạt, cải thiện và nâng cao sức khoẻ người dân và giảm thiểu bệnh tật liên quan tới nguồn nước.
- ✓ Liên kết với các công ty trong và ngoài nước, mở rộng thị trường.
- ✓ Nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ mới và các vật tư, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với yêu cầu của hệ thống cấp nước, đồng thời từng bước đồng bộ vật tư, thiết bị sử dụng trên toàn hệ thống.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với hoạt động chính là sản xuất và phân phối nước sạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:



- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là dịch vụ cung cấp nước nên công ty luôn chú trọng đến nguồn nước sạch, đảm bảo nguồn cung cấp nước nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân trong khu vực.
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động tuyên truyền nhận thức, hoạt động từ thiện.
- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông công ty.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, năm 2017 được các chuyên gia kinh tế trên thế giới nhận định nền kinh tế thế giới có bước tăng trưởng mạnh mẽ. Kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu 2008-2009, các nền kinh tế lớn thế giới lại đồng thời phát đi dấu hiệu lạc quan như hiện nay. Không chỉ Mỹ, Trung Quốc mà châu Âu, Nhật Bản, những nền kinh tế vốn được xem có tốc độ tăng trưởng e uột trong nhiều năm qua, cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu khởi sắc. Từ đầu tàu kinh tế thế giới cho tới các nước phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu. Quyết định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và nhiều tổ chức tài chính khác trên thế giới đồng loạt nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên 3,7% hoặc 3,6%, cao hơn nhiều so với con số 3,2% đạt được trong năm 2016, đã phần nào khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế thế giới trong năm qua.

Từ thế giới nhìn về Việt Nam; nếu đầu năm, GDP quý I xuống thấp nhất trong 3 năm qua thì con số 6,81% GDP cả năm là sự bứt phá đầy ngoạn mục của nền kinh tế Việt Nam. Lạm phát luôn được duy trì ổn định quanh mức 3,53%. Ngoài ra Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục duy trì lãi suất cho vay, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác và phân phối nước sạch, đây là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của dân cư do đó các chuyển biến kinh tế xã hội ít ảnh hưởng nhiều đến Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn đối với loại rủi ro này.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty cần tuân thủ các quy định của pháp luật, tuân theo sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,...

Bên cạnh đó, các văn bản luật luôn được Nhà nước điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường, từ đó gây nên những thách thức không nhỏ cho công ty trong việc tiếp cận, cập nhật những sự thay đổi và triển khai thực hiện.





Rủi ro đặc thù ngành

Đặc thù của ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Bên cạnh đó, giá bán luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hoà lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước, chính vì thế giá bán nước chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về thất thoát nước ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của công ty.

Mặt khác, Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua là nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu. Theo ước tính, nước biển dâng từ 0,73 đến 1m trong vòng 100 năm tới, lượng nước ngọt giảm 30-35%, đó sẽ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nguồn cung cấp nước của Công ty.

Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Chính vì thế, công ty luôn tuân thủ các quy định về môi trường trong việc kiểm tra chất lượng nguồn nước sạch, giảm thiểu rủi ro gây ra ô nhiễm nước tại khu vực sản xuất.

Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.



Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những lý do như biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, ... Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.





II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tổ chức và nhân sự
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ✓ Báo cáo tác động môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sau khi hợp nhất, Trà Nóc-Ô Môn tiếp tục kế thừa hoạt động kinh doanh chính của CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn là khai thác, xử lý và cung cấp nước đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước sạch trong sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các khu lân cận. Cụ thể, CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn trực tiếp quản lý địa bàn cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Trà Nóc 1 và Trà Nóc 2; các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc quận Bình Thủy và các phường thuộc quận Ô Môn, huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ.

Sản phẩm chính của Công ty là nước sạch, đây là một trong những sản phẩm thiết yếu không thể thiếu trong đời sống hằng ngày của con người, do đó nhu cầu tiêu dùng luôn ở mức cao. Bên cạnh kinh doanh nước sạch, Trà Nóc - Ô Môn còn thực hiện thi công các công trình cấp thoát nước. Hiện tại, việc thi công các công trình cấp thoát nước chủ yếu thực hiện cho chính dự án của công ty.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (01/8/2017 – 31/12/2017)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	19.455
Doanh thu tài chính	Triệu đồng	1,72
Thu nhập khác	Triệu đồng	24,94
Tổng cộng	Triệu đồng	19.481

Ghi chú: Thu nhập khác chưa bao gồm 846,75 triệu đồng nhận từ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng bồi thường cầu Rạch Nhum – Rạch Tra của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thới Lai.



(*): Công ty Cổ phần Trà Nóc – Ô Môn chính thức hoạt động từ ngày 01/8/2017 và Báo cáo tài chính được lập tại thời điểm 31/12/2017. Niên độ kế toán từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 là niên độ kế toán đầu tiên của Công ty kể từ ngày hợp nhất hai Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty cổ phần Cấp nước Ô Môn có hiệu lực hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần đầu ngày 06/7/2017 nên Công ty không có thông tin so sánh cho số liệu trên báo cáo tài chính tương ứng cùng kì năm trước.

Do đó, việc đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm nay so với các năm trước vẫn chưa được đồng nhất. Tổng kết 5 tháng cuối năm 2017, Công ty đạt kết quả kinh doanh khá tốt khi doanh thu thuần đạt 19,455 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 6,313 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra 133,26%

Cơ cấu tổng chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	2017 (01/08/2017-31-12/2017)
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	10.487
Chi phí tài chính	Triệu đồng	319,83
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	231,33
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	1.541,89
Chi phí khác	Triệu đồng	0
Tổng cộng	Triệu đồng	12.580,05

Ghi chú: Chi phí khác chưa bao gồm 269,35 triệu đồng tiền chi phí thanh lý tài sản mất đi – tài sản ảnh hưởng của công trình giải phóng mặt bằng bồi thường cầu Rạch Nhum – Rạch Tra của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thới Lai.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Huỳnh Minh Trung	Giám đốc
Trịnh Công Đoàn	Phó Giám đốc
Thái Minh Lực	Phó Giám đốc
Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành:

- Ông Huỳnh Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc**

Năm sinh: 21/01/1976

Nơi sinh: An Giang

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học môi trường

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 74.649 cổ phần - tỷ lệ 1,40% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
2000 - 2003	Nhân viên kiểm tra - Công ty Công trình đô thị Cần Thơ
8/2003 - 12/2011	Nhân viên - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
12/2011 – 01/3/2012	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT – Công ty CP Cấp nước Trà Nóc
02/3/2012 – 7/2017	Quyền Giám đốc và Giám đốc– Công ty CP Cấp nước Trà Nóc
8/2017-nay	Giám đốc, Thành viên HĐQT – CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

** Ông Trịnh Công Đoàn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc:**

Năm sinh: 16/8/1982

Nơi sinh: Cà Mau

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý môi trường

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.325 cổ phần - tỷ lệ 0.03% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
11/2004- 5/2013	Kỹ thuật viên – Phòng kỹ thuật trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
6/2013 – 12/2013	Kỹ thuật viên – Phòng điều độ và chống thất thoát thu nước trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
12/2013 – 7/2017	Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Ô Môn
8/2017- nay	Thành viên HĐQT – CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

** Ông Thái Minh Lực – Phó Giám đốc:**

Năm sinh: 12/12/1970

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Đại học QTKD

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.344 cổ phần - tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2/10/1993-12/2004	Nhà máy nước Cần Thơ 1 – Công nhân TBSC
12/2004-2006	Tổ trưởng Tổ TBSC Xí nghiệp CTN Trà Nóc trực thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
2006-2009	Trưởng Bộ phận sản xuất Xí nghiệp CTN Trà Nóc trực thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
2010-7/2017	Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc
8/2017 – nay	Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

**Bà Lê Thị Thanh Phương– Kế toán trưởng:**

Năm sinh: 25/07/1978

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính- kế toán

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 12.538 cổ phần - tỷ lệ 0,24% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1/2002-3/2003	Nhân viên Siêu thị Điện máy thành phố Cần Thơ
4/2003-2/2005	Nhân viên Xí nghiệp CTN Trà Nóc trực thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
3/2005-12/2005	Nhân viên Xí nghiệp Xây dựng CTN Trà Nóc trực thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
1/2006-12/2006	Nhân viên Xí nghiệp CTN Trà Nóc trực thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
01/01/2007-31/7/2017	Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
1/8/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần cấp nước Trà Nóc – Ô Môn



Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2017

Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	78	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
Cao học:	2	2,6%
Đại học:	21	26,9%
Cao đẳng, trung cấp:	29	37,2%
Công nhân nghề và Lao động phổ thông:	26	33,3%
Phân theo độ tuổi		
18 – 30 tuổi:		
Nam	9	11,5%
Nữ	3	3,9%
31 – 59 tuổi:		
Nam	56	71,8%
Nữ	10	12,8%

Mức lương bình quân tính đến ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	10.010.000

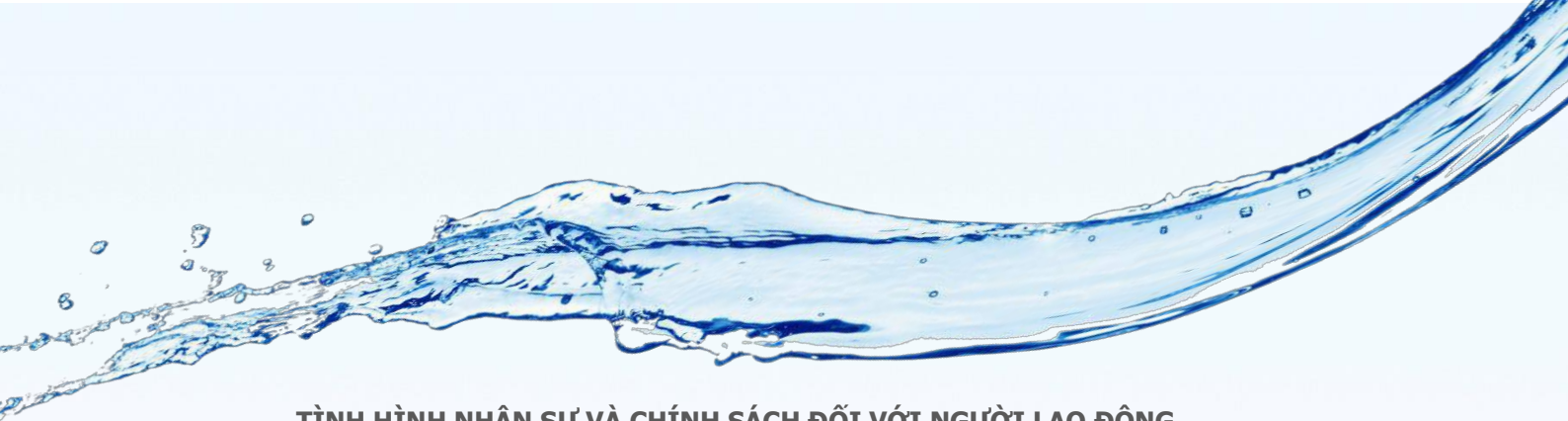
Điều kiện và chế độ làm việc**Thời gian làm việc:**

Trên cơ sở hoạt động chung, nhân viên của công ty làm việc 5 ngày/tuần, mỗi ngày 8 tiếng. Tuy nhiên, khi đáp ứng tiến độ công việc, nhân viên được yêu cầu làm thêm giờ. Bên cạnh đó, công ty cũng có những chính sách đảm bảo quyền lợi cũng như những đãi ngộ ưu đãi dành cho người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội và các chế độ ốm đau, thai sản theo quy định của nhà nước hiện hành.

Điều kiện làm việc:

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để công nhân viên làm việc trong môi trường thân thiện, thoải mái: văn phòng, nhà xưởng thoáng mát. Bên cạnh đó, công ty cũng không ngừng cung cấp cho nhân viên trang thiết bị bảo hộ, dụng cụ lao động đầy đủ theo yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác đào tạo

Công ty xác định việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty, đặc biệt công tác tuyển dụng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Chính vì thế, công ty luôn có những cơ chế, kế hoạch tuyển dụng phù hợp để khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ tay nghề. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng quy trình tuyển dụng cùng với yêu cầu công việc sao cho phù hợp với từng vị trí, kết hợp hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài; đào tạo ngắn hạn, dài hạn. Ngoài ra, Công ty cũng có những chính sách khen thưởng, ưu tiên xem xét điều chuyển thăng chức cho ứng viên nội bộ dựa vào năng lực thực hiện công việc.

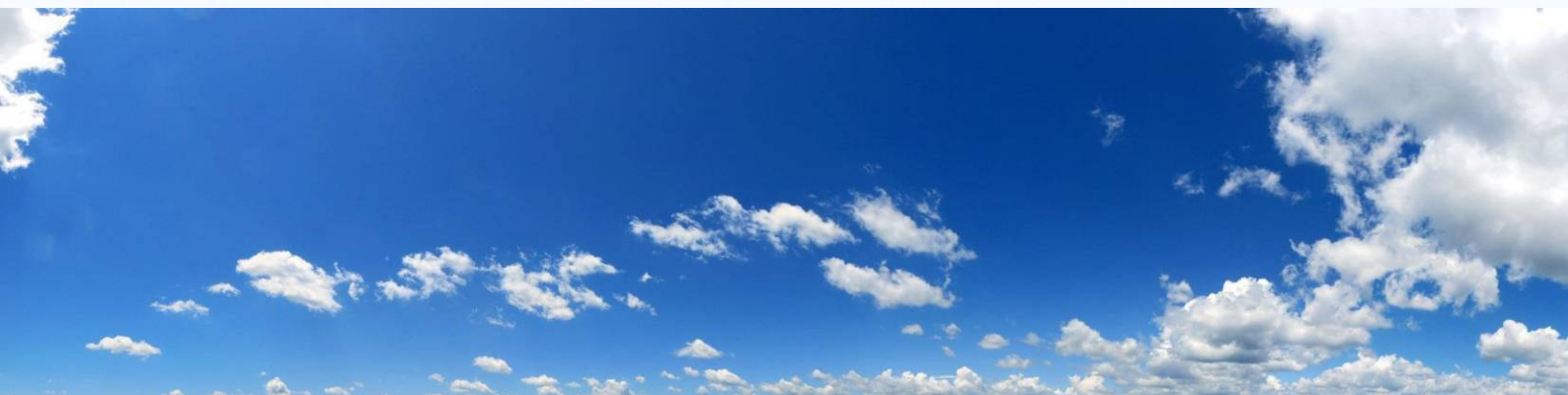
Công ty thường xuyên tổ chức những chương trình tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho công nhân kỹ thuật đồng thời nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, kỹ sư. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên được học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đóng góp sáng kiến vào quá trình sản xuất kinh doanh nhằm phục vụ cho sự phát triển chung của toàn ngành.

Chính sách phúc lợi

Chính sách nhân sự chung: Tất cả CBNLĐ của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của Nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Chính sách tiền lương: Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Lương bình quân trong năm 2017 là 10.010.000 đồng/người/tháng. Kế hoạch năm 2018 dự kiến 10.020.000 đồng/người/tháng.

Chính sách đào tạo, lương, thưởng và các chế độ chính sách khác đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ theo Bộ luật lao động và chính sách khác do Nhà nước quy định.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Cổ đông đang nắm quyền chi phối tại Công ty cổ phần cấp nước Trà Nóc - Ô Môn là Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ, thông tin chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Địa chỉ: 2A Nguyễn Trãi, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 381 0188

Fax: (0292) 381 0188

Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800155244 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/07/2015.

Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 280.000.000.000 đồng

Website: www.ctn-cantho.com.vn

Mã chứng khoán: CTW

Sàn giao dịch: UPCOM

Ngành nghề kinh doanh:

- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: sản xuất nước sạch; kinh doanh nước sạch
- + Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: san lấp mặt bằng.
- + Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm tự hoại; dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.
- + Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước.

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Trà Nóc- Ô Môn: 3.479.683 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 65.42%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DVT : triệu đồng	
Chi tiêu	Gía trị năm 2017 (01/08/2017-31/12/2017)
Tổng tài sản	126.126
Nợ phải trả	32.392
Vốn chủ sở hữu	93.734
Doanh thu thuần	19.455
Lợi nhuận trước thuế	6.901
Lợi nhuận sau thuế	6.313

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm 577,4 triệu đồng lợi nhuận từ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng bồi thường cầu Rạch Nhum – Rạch Tra của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thới Lai. Phần lợi nhuận này sẽ đưa trực tiếp vào tái đầu tư của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	DVT	Năm 2017
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.22
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	25.7%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	34.6%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4.22
Vòng quay tài sản	Vòng	3.81
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	32.45%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6.74%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	5.01%

Khả năng thanh toán

Trong năm 2017, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,33 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 0,22 lần. Theo đó thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của TOW ở mức ổn định.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của công ty tương đối tốt, với hệ số nợ/tổng tài sản đạt 25,07% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 34,06%.. Qua đó, ta thấy được TOW có khả năng tự chủ tài chính tốt, ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ,

Năng lực hoạt động

Trong năm 2017, chỉ tiêu về năng lực hoạt động của TOW khá tốt. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đạt 4,22 vòng thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho hiệu quả của TOW, đảm bảo mức độ sản xuất đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản với 3,81 vòng thể hiện khả năng công ty tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản tương đối tốt.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty khá tốt. Cụ thể, các hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lần lượt đạt 32,45%; 6,74%; 5,01%. Điều đó thể hiện khả năng sinh lời của công ty tốt.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN

ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tên chứng khoán: Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc- Ô Môn

Mã chứng khoán: TOW

Mã ISIN: VN000000TOW9

Mệnh giá: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đăng ký: 5.318.800 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 53.188.000.000 đồng

Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/10/2017

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1.1	Cổ đông trong nước			
2.1	- Tổ chức	1	3.479.683	65,42%
	- Cá nhân	145	1.839.018	34,58%
	Cổ đông nước ngoài			
2.2	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	Cổ phiếu quỹ	1	99	0,0019%
Tổng cộng		147	5.318.800	100,0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	3.479.683	65,42%
2	Bà Hồ Thị Quý Mão	270.839	5,09%
3	Bà Nguyễn Thị Kiên Giang	435.287	8,18%
Tổng cộng		4.185.809	78,69%

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn thành lập trên cơ sở hợp nhất CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn theo Giấy ĐKKD số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/7/2017 với mức vốn Điều lệ là 53.188.000.000 đồng. Tính đến tháng 11/2017, Công ty chưa thực hiện tăng vốn Điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Nguyên liệu chính của sản phẩm nước sạch do Công ty cung cấp là nguồn nước thô khai thác từ sông Hậu và sông Ô Môn. Lưu lượng nước nguồn hiện tại được đánh giá là trữ lượng dồi dào và chất lượng tương đối ổn định. Tổng lượng nước sản xuất trong 2017 của Công ty hình thành từ hợp nhất hai công ty Trà Nóc và Ô Môn ước đạt 6.450.000m³.

Ngoài nguồn nguyên liệu chính là nước, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và hóa chất như: điện, PAC, Clo, dầu để xử lý nước đạt Quy chuẩn 01:2009/BYT của Bộ Y tế cấp nước trước khi bơm vào mạng nước sạch cung cấp cho khách hàng; và vật tư lắp đặt, thi công của ngành.

Tiêu thụ nước

Chất lượng nước được thực hiện và quản lý theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2009 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

Nước sạch tại nhà máy nước và trên mạng ống cấp nước được kiểm tra chất lượng chặt chẽ bởi Trung tâm Y tế Dự phòng quận Ô Môn và Thành phố Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Để tăng cường việc kiểm soát chất lượng, Bộ phận hóa nghiệm và trực ca của Công ty cũng tự thực hiện việc kiểm tra chất lượng nước theo hàng giờ. Bên cạnh đó còn có những đợt kiểm tra đột xuất của các sở ngành liên quan khi có dấu hiệu phát sinh dịch bệnh nguy hiểm, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.



Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành quá trình hoạt động, công ty sử dụng điện năng làm nguồn năng lượng chủ yếu, cụ thể sử dụng trong các nhà máy, hệ thống xử lý nước, các trạm bơm, mạng lưới cấp nước và bộ phận văn phòng công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

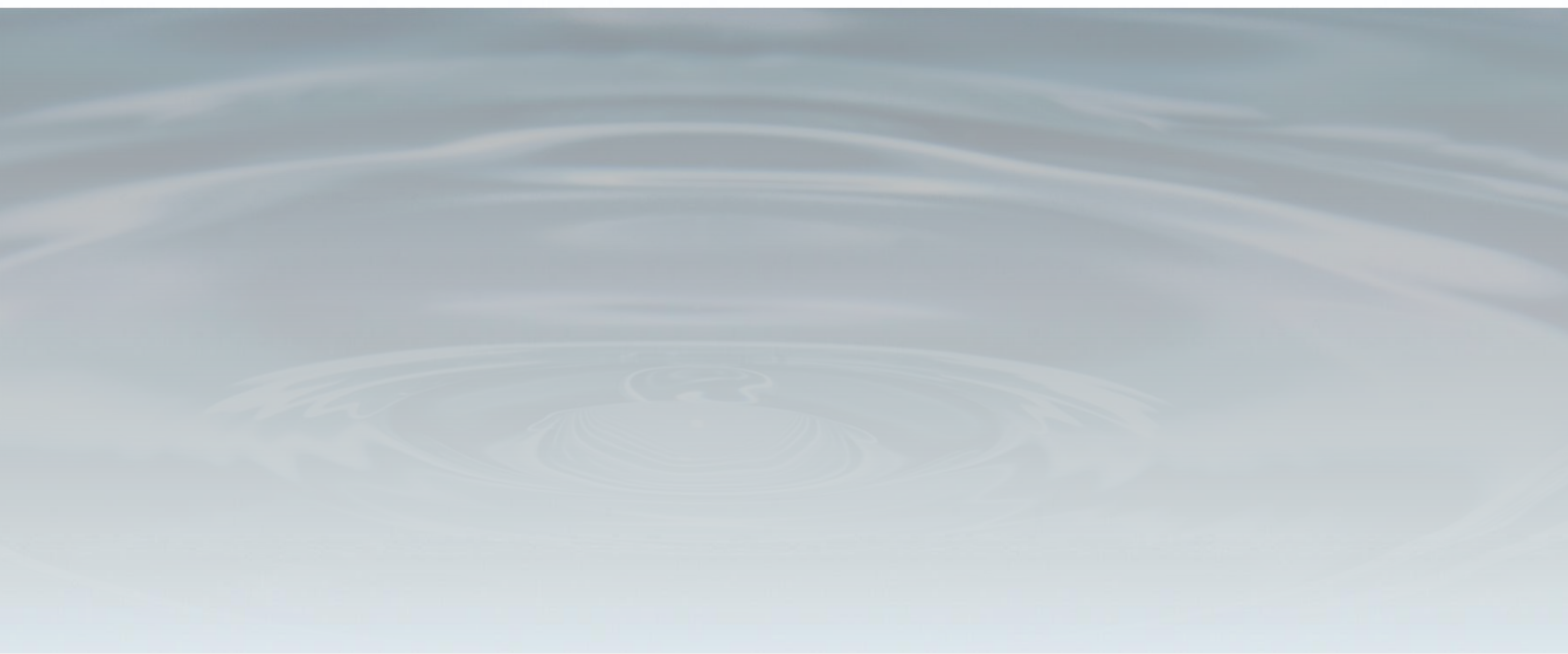
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Công ty còn đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động từ thiện, tuyên truyền nhận thức. Bên cạnh đó, Công ty nói chung và Cán bộ người lao động nói riêng cũng đồng lòng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước.







BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ✓ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✓ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán
- ✓ Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

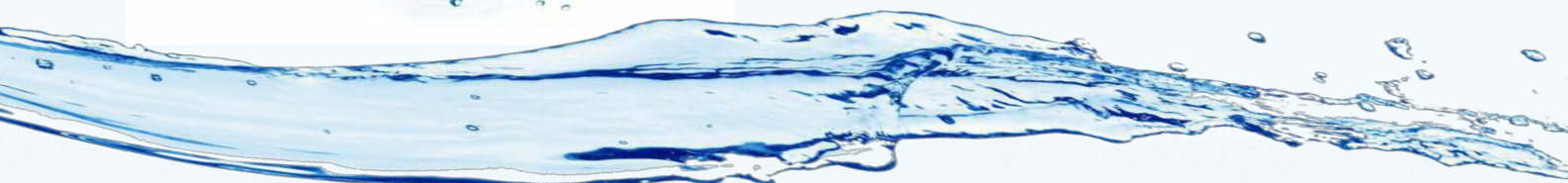
Nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng là thành phần thiết yếu của sự sống và là tư liệu sản xuất không thể thay thế đối với một số ngành sản xuất, là thành phần cơ bản tạo nên môi trường sống, nước quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Theo một số nghiên cứu, 70% diện tích của Trái đất được bao phủ bởi nước, trong đó 97,4% là nước mặn trong các đại dương và phần còn lại là nước ngọt tồn tại chủ yếu dạng băng tuyết đóng ở 2 cực và trên ngọn núi, chỉ có 0,3% nước trên thế giới là có thể sử dụng làm nước sinh hoạt. Ở Việt Nam, tài nguyên nước mặt có khoảng 830-840 tỷ m³/năm, lượng nước sinh ra ở lãnh thổ Việt Nam là 37%, lượng nước từ nước ngoài chảy vào khoảng 63%. Từ những số liệu này có thể cho thấy vị trí của ngành cấp nước đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội và ít chịu sự tác động từ các yếu tố kinh tế.

Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc- Ô Môn hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Cần Thơ với mong muốn sẽ cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất, mang đến nguồn nước xanh, sạch đến với người tiêu dùng trên địa bàn hoạt động.

Trong năm 2017, việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng của dân cư trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn, cung cấp nước 24/7 góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Về chất lượng, nguồn nước của công ty được kiểm tra định kỳ, các mẫu nước đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

Công ty không ngừng xây dựng, ban hành các cơ cấu quản lý mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý; ứng dụng các công nghệ kỹ thuật mới, các vật tư, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với yêu cầu của hệ thống cấp nước.

Ngoài ra, năng lực đội ngũ cán bộ, nhân viên ngày càng nâng cao, đảm bảo yêu cầu công tác đề ra; kinh nghiệm thực tế tích lũy ngày càng nhiều. Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước đúng hạn và đảm bảo theo quy định; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

ĐVT: triệu đồng		
Chỉ tiêu	01/08/2017	31/12/2017
Tổng tài sản	-	126.126
Tài sản ngắn hạn	-	8.309
Tài sản dài hạn	-	117.816

(Nguồn: Bảng CDKT của Trà Nóc – Ô Môn)

Hoạt động đặc thù trong ngành cấp thoát nước, công ty phải đầu tư vào hệ thống tài sản dài hạn là các nhà máy nước, trang thiết bị xử lý nước, các phương tiện vận tải, truyền dẫn. Trong cơ cấu tài sản của TOW, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn với 93,41%. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng tài sản của TOW với 6,58%.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng		
Chỉ tiêu	01/08/2017	31/12/2017
Nợ ngắn hạn	-	25.050
Nợ dài hạn	-	7.342
Tổng nợ phải trả	-	32.392
Vốn chủ sở hữu	-	93.734

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của TOW, cụ thể trong năm 2017 chiếm 77,7%. Các khoản nợ của công ty đều với mục đích vay để mở rộng mạng lưới cấp nước, tuy nhiên được đảm bảo bằng tài sản là hệ thống cấp nước các tuyến ống hoặc tài sản hình thành từ vốn vay. Bên cạnh đó, nợ dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn với 22,3%, chủ yếu đến từ các khoản vay và nợ thuê tài chính từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Tây Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ.

Các khoản vay hiện có của Trà Nóc – Ô Môn đến từ các hợp đồng sau:

- 💧 Hợp đồng vay số 02/2017/VCBTCT-KHDN ngày 25/5/2017 với mục đích vay là để mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 5 tỷ đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 6,20%/năm. Tài sản bảo đảm là hệ thống cấp nước các tuyến ống.
- 💧 Hợp đồng vay số 05/2017/VCBTCT-KH ngày 31/7/2017 với mục đích vay là để mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 18 tỷ đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.
- 💧 Hợp đồng vay số 18/VCBCT ngày 31/7/2015. Hạn mức vay 6,5 tỷ đồng. Mục đích vay thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty luôn có những điều chỉnh về mặt tổ chức và quản lý theo định hướng phát triển đã thông qua Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- 💧 Tiếp tục phát huy việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn; đầu tư phát triển nguồn nhân lực của công ty.
- 💧 Đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước, hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa và phát hiện sai sót kịp thời.
- 💧 Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ kỹ thuật mới, các vật tư, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với yêu cầu của hệ thống cấp nước vào công tác quản lý doanh nghiệp và quản lý khách hàng



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ quy hoạch của UBND thành phố, nhu cầu của địa phương và khả năng huy động tài chính của Công ty, đầu tư các công trình thiết yếu trong năm 2018:

STT	TUYẾN ĐƯỜNG	KHÁI TR.ĐỒNG	CHIỀU DÀI (m)
1	Tuyến ống phục vụ cấp nước an toàn thành phố Cần Thơ, bên trái QL91 từ Km 14+188 đến Km 17+716	9.200	3.550
2	Tuyến ống QL91, bên phải từ Km 29+100 đến Km 21+160 (đường Trần Kiết Tường đến cầu Bánh Tét)	4.374	8.326
3	Tuyến ống phục vụ cấp nước an toàn thành phố Cần Thơ từ nhà máy nước Thới Lai đến cầu Cồn Chen	6.416	3.300
4	Tuyến ống TL920, bên phải, từ Xi Măng Tây Đô đến Quốc lộ 91	1.680	5.600
5	Tuyến dọc theo Kênh Đứng và rạch Cồn Chen huyện Thới Lai	1.133	4.170
6	Tuyến ống dọc hai bên sông Trà Nóc, từ cầu Giáo Dấn đến cầu Xẻo Điều	705	2.440
7	Tuyến ống đường số 7 khu Công nghiệp Trà Nóc 2	876	1.600
8	Tuyến ống Rạch Chùa, Năm Non Bà Lý	1.540	3.100
9	Tuyến ống TT Văn hóa quận Ô Môn, các hẻm đường Trần Kiết Tường, Quốc lộ 91 (MLCN 01/2017)	412	3.265
10	Tuyến ống đường Trần Hưng Đạo, đường 26/3, cặp rạch Nhum, phường Châu Liêm, Ô Môn (MLCN 02/2017)	848	2.490
11	Tuyến ống Tỉnh lộ 922 (từ NMN Thới Lai đến chợ Thới Lai) và chợ Thới Lai (MLCN 03/2017)	977	4.280
12	Tuyến ống Tỉnh lộ 919 (cầu Đường Tắt), cải tạo ống cặp Kênh Ngang, Kênh Lòng Ống (MLCN 03/2016)	931	4.280
13	Tuyến ống Tỉnh lộ 919, cặp kênh Thơm Rơm, Kênh 1, lộ Định Môn, Trường Xuân – Bà Đàm, lộ Thới Tân, cặp kênh Đông Pháp	2.500	14.420
14	Tuyến ống đường Thái Thị Hạnh, Quốc lộ 91, khu vực chợ Bông Tằm, Châu Văn Liêm, Phan Đình Phùng quận Ô Môn	1.350	8.280
15	Tuyến ống cặp kênh Giáo Dấn (QL 91B đến TL 923); Bên trái QL 91B (cầu Ông Bồn đến cầu Nam Đông, cửa hàng xăng dầu số 13 đến cầu Xẻo Khế, cổng chào phường T.A. Đông đến cầu Miếu Trắng)	1.690	4.293
16	Tuyến ống: Tỉnh lộ 917 (cầu Trà Nóc 2 đến QL 91B, bên trái), cặp kênh Xẻo Sao, QL 91B (từ cổng chào phường Thới An Đông đến cầu Bà Kè, bên phải), cặp kênh Gáo Đồi.	500	3.100
17	Nhà máy nước Cờ Đỏ	11.000	
18	Điện mặt trời nhà máy nước Trà Nóc	700	
19	Đường ống 300	3.000	
20	Các hẻm khu dân cư tự phát	6.004	27.600
	Tổng cộng	55.836	



Về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị nhằm đảm bảo sản xuất nước liên tục, an toàn. Lượng nước phát ra đáp ứng về sản lượng lẫn chất lượng và áp lực nước.
- Xử lý kịp thời các sự cố, lắp đặt hệ thống cấp nước đúng thời gian quy định. Cải tạo tuyến ống cũ ở các khu vực có tỷ lệ thất thoát cao trên tuyến truyền dẫn, phân phối, phát hiện sửa chữa rò rỉ giảm thất thoát thật sự.
- Ghi thu đúng tiến độ góp phần thu hồi tốt công nợ phải thu của Công ty. Lập kế hoạch mua vật tư kịp thời phục vụ tốt công tác hàng ngày, vật tư đảm bảo chất lượng.
- Thường xuyên kết hợp với các đơn vị quản lý trên địa bàn, thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm cung cấp chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng.
- Triển khai kế hoạch sử dụng tiết kiệm các nguyên vật liệu chính theo định mức tính trên sản lượng nước sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất trong tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng.

Về Công tác quản lý

- Giám sát chất lượng công trình thi công, lắp đặt. Lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực nước trên toàn mạng lưới.
- Với các khu vực đầu tư phát triển dự án mới: tăng cường, giám sát công tác thi công công trình đảm bảo chất lượng, phân vùng từ khâu thiết kế, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng chặt chẽ duy trì tỉ lệ thu tiền nước trên 99%.
- Tăng cường công tác kiểm tra khách hàng phát hiện và xử lý các trường hợp sử dụng nước không đúng hợp đồng sử dụng nước, bấm chì, thay đồng hồ khi hết thời hạn kiểm định.
- Nâng dời các vị trí đồng hồ để thuận tiện cho quản lý và ghi chỉ số.

Về phát triển nguồn nhân lực

- 💧 Cử cán bộ, người lao động tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác chống thất thoát thất thu, tăng kỹ năng vận hành bảo dưỡng hệ thống thiết bị, kết hợp tham gia các buổi tập huấn về chính sách thuế, bảo hiểm, tiền lương, tập huấn công tác an toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ,...
- 💧 Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, thu nhập,... cho người lao động. Xây dựng chế độ tiền lương tích cực để làm đòn bẩy kích thích phát triển kinh doanh cũng như có chế độ đãi ngộ tương xứng nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- 💧 Tiếp tục sắp xếp bộ máy tinh gọn, tăng năng suất và hiệu quả từng bộ phận trong Công ty;
- 💧 Sắp xếp nhân sự hiện có và tuyển dụng nhân sự mới phù hợp cho sự phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM ("AISC") đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc- Ô Môn, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





IV

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✓ Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Cùng với Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đã tập trung khắc phục những khó khăn, hạn chế đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đến các khu công nghiệp, khu dân cư.

Công tác tổ chức nhân sự được chú trọng, với phương châm con người là nền tảng cho sự phát triển của Công ty, Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc- Ô Môn luôn chú tâm đến việc đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho người lao động, phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc đúng người đúng việc. Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao. Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề góp phần bảo đảm kế hoạch chỉ tiêu đề ra, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Kết quả giám sát:

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát ban điều hành công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông và HĐQT. Liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy trình và Điều lệ. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của khách hàng.

Các chỉ tiêu kế hoạch	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % so KH
Sản lượng nước sản xuất	m3	3.128.041	3.296.927	105,4%
Sản lượng ghi thu	m3	2.502.433	2.816.938	112,57%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	<20	14,45	72,25%
Doanh thu	Ngàn đồng	14.599	19.482	133,48%

Đánh giá:

Trong năm 2017, công ty chú trọng việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch đến với người tiêu dùng. Do đó, sản lượng nước sạch công ty cung cấp đã vượt mức chỉ tiêu đề ra trong 5 tháng cuối 2017 với mức tăng trưởng 112%. Không những thế, điều đó cũng giúp công ty đạt được doanh thu cao hơn mong đợi 133,48%, tăng nhanh từ 14.599 triệu đồng tới 19.482 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế tăng 101%, từ 6.816 đến 6.901 triệu đồng. Ngoài ra, thông qua các hoạt động đầu tư mở rộng, thay mới đường ống, lắp mới đồng hồ nước, áp dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, Công ty cổ phần nước Trà Nóc - Ô Môn đã giảm tỷ lệ thất thoát nước còn 14.45 %, đạt chỉ tiêu đề ra dưới 20% trong 5 tháng cuối năm 2017.

Đầu tư:

- Công trình triển khai đến tháng 12/2017 là 28,105 tỷ đồng
- Tổng giá trị thanh toán đến tháng 12/2017 là 28,105 tỷ đồng.

Đánh giá: Trong năm Công ty đã hoàn thành nhiều công trình ưu tiên mở rộng mạng lưới cấp nước nhỏ trong vùng phục vụ và triển khai thi công các tuyến ống chuyển tải thuộc công trình di dời Quốc lộ 91. Tuy nhiên, các công trình di dời vẫn đang tiếp tục liên hệ để nhận khoản thanh toán còn lại.

Về quản trị doanh nghiệp:

- Nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Chuyên nghiệp hóa trong ghi chỉ số đồng hồ nước bằng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng điện thoại di động và phần mềm quản lý khách hàng tính đảm bảo chính xác và thuận lợi cho khách hàng; tăng cường thu qua ngân hàng.
- Từng bước hoàn thiện công tác quản trị công ty, đưa ra các quy trình kiểm soát về tiến độ, chất lượng, tối ưu hóa chi phí quản lý, xây dựng ISO.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Với những thay đổi có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 5 tháng cuối năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty hiệu quả, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Một vấn đề quan trọng mà Ban Giám đốc đã làm tốt trong năm qua đó là duy trì, đảm bảo cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, KCN trên địa bàn hoạt động của Công ty. Các thành viên trong Ban giám đốc đã có một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.TNOM đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua ngày 30 tháng 01 năm 2018, như sau:

Kế hoạch phân phối lợi nhuận 5 tháng cuối năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Cổ tức 5 tháng cuối năm 2017	600đồng/ cổ phần/ năm.
2	Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành, BKS, Thư ký	41.666.667 đồng/ năm
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đạt kế hoạch năm
4	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ ban điều hành và chi cổ tức

Đồng thời, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất các vấn đề sau:

-  Chi trả cổ tức năm 2017 thực hiện qua hình thức chuyển khoản hoặc chi trả trực tiếp tại Công ty khi cổ đông chưa có tài khoản tại ngân hàng.
-  Ngày 29/3/2018 là ngày chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2017 và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để chi trả cổ tức.

Định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đặt mục tiêu phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, như sau:

Phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 :

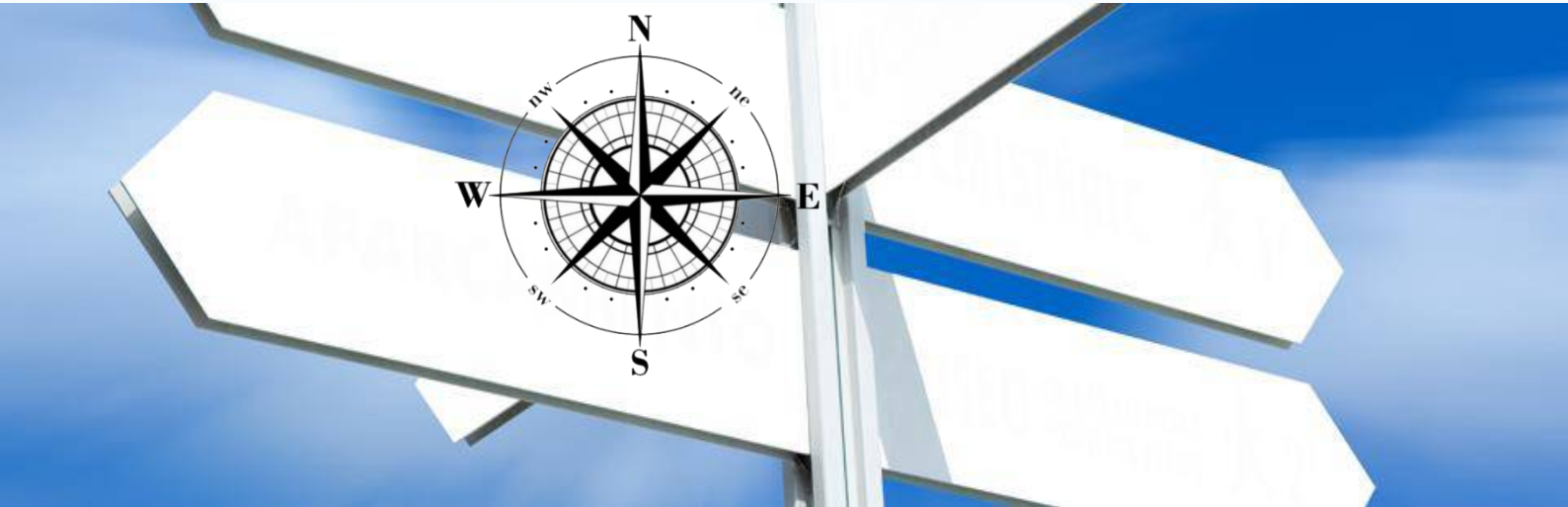
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.350.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	50.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.250
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.578
5	Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ	%	27,41

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ
1	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng HĐQT, BKS, GĐ và các cán bộ quản lý khác
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế hoặc tối đa 03 tháng lương
3	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, GĐ và Cán bộ quản lý khác	1,5% Lợi nhuận sau thuế hoặc tối đa 1,5 tháng lương của BDH
4	Dự kiến chia cổ tức	1.200 đồng/cổ phần

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị sẽ tập trung phối hợp và hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những công ty có dịch vụ cấp nước tốt nhất địa bàn TP. Cần Thơ.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ đạt chất lượng, đủ sức đáp ứng yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng trên địa bàn quận Bình Thủy, quận Ô Môn (bao gồm 02 KCN Trà Nóc 01 và Trà Nóc 02) và các khu vực thuộc huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
- Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cho cộng đồng.
- Xây dựng Công ty phát triển bền vững, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo các tiêu chí đề ra, sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, đảm bảo vệ sinh môi trường và tăng thu nhập nhằm nâng cao mức sống cho người lao động.





VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT
Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Hữu Lộc- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 25/12/1964

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất và Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 3.479.683 cổ phần - tỷ lệ 65,42% vốn điều lệ

Người có liên quan: Hồ Thị Quý Mão

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: 270.839 cổ phiếu, tỷ lệ 5,09% vốn điều lệ

Vợ- Hồ Thị Quý Mão

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
03/1987 – 09/1989	Cán bộ Phòng Xây dựng cơ bản – Ủy ban kế hoạch tỉnh Hậu Giang
10/1989 – 09/1992	Trưởng bộ phận kỹ thuật – Ban Quản lý trường trình nước UNICEF Hậu Giang
10/1992 – 10/1998	Phó Chủ nhiệm – Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
10/1998 – 01/2000	Quyền Chủ nhiệm – Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
02/2000 – 10/2005	Chủ nhiệm – Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
10/2005 – 09/2008	Phó Giám đốc – Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
9/2008 – 02/2009	Quyền Giám đốc – Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
02/2009 – 12/2011	Giám đốc – Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
01/2012 – 6/2015	Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
01/2012 – 7/2017	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc
01/2012 – 7/2017	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Ô Môn
01/2012 – nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Thốt Nốt
7/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT – CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
8/2017 – nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

 Ông Huỳnh Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Đã trình bày ở mục Thành viên Ban điều hành

 Ông Trịnh Công Đoàn – Thành viên Hội đồng quản trị:

Đã trình bày ở mục Thành viên Ban điều hành

 Ông Võ Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 12/12/1966

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.121 cổ phần - tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
9/1984 – 02/1991	Kế toán – Xí nghiệp Cấp nước Huyện Thốt Nốt
02/1991 – 1995	Kế toán – Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
1995 – 2002	Phó Giám đốc Chi nhánh – Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
2002 – 2006	Giám đốc Chi nhánh – Chi nhánh Cấp nước Ô Môn
2007 – 6/2007	Giám đốc Công ty – Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn
2007 – nay	Công tác tại Nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo – Thốt Nốt
2012 – 7/2017	Thành viên HĐQT – Công ty CP Cấp nước Ô Môn
5/2015 – 7/2017	Thành viên HĐQT – Công ty CP Cấp nước Trà Nóc
8/2017 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty CP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.



Bà Lâm Nguyệt Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 30/7/1976

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 115.800 cổ phần - tỷ lệ 2.18% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
01/1999 – 12/2001	Nhân viên Tiếp tân kiêm Kế toán – Công ty Sony Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ
01/2002 – 12/2008	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
01/2009 – 4/2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
5/2012 – 6/2015	Kiểm soát viên Công ty – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
5/2015 – 7/2017	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
7/2015 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
8/2017 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý trong năm, các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã họp 02 lần (Công ty họp nhất vào ngày 01/8/2017), tháng 01 năm 2018 Hội đồng quản trị họp 01 lần cho quý IV năm 2017. Báo cáo ghi nhận sự tham gia dự họp của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%
2	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT	3/3	100%
3	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT	3/3	100%
4	Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	3/3	100%
5	Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	3/3 (Ủy quyền tham dự và biểu quyết cho ông Nguyễn Giang Thanh 2/2)	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Ngày 01/8/2017	5/5 thành viên (Bà Lâm Nguyệt Thanh Ủy quyền tham dự và biểu quyết cho ông Nguyễn Giang Thanh)	- Nghị quyết Hội đồng quản trị họp phiên đầu tiên nhiệm kỳ 2017-2022 + Thống nhất bầu ông Nguyễn Hữu Lộc với chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty.
Ngày 27/10/2017	5/5 thành viên (Bà Lâm Nguyệt Thanh Ủy quyền tham dự và biểu quyết cho ông Nguyễn Giang Thanh)	- Nghị quyết Hội đồng quản trị quý III năm 2017 + Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III, (tháng 8 và 9) năm 2017; + Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2017; + Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
Ngày 30/01/2018	5/5 thành viên	- Nghị quyết Hội đồng quản trị quý IV năm 2017 + Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV năm 2017; + Thông qua báo cáo tài chính quý IV năm 2017; + Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2017

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	01/8/2017	Nghị quyết Hội đồng quản trị họp phiên đầu tiên nhiệm kỳ 2017-2022
2	02/NQ-HĐQT	27/10/2017	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý III/2017
3	01/NQ-HĐQT	30/01/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý IV/2017
4	01/QĐ-HĐQT	10/7/2017	Quyết định V/v khắc con dấu cho Công ty
5	02/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v áp dụng hóa đơn điện tử cho Công ty
6	03/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Huỳnh Minh Trung làm Giám đốc Công ty
7	04/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Thái Minh Lực làm Phó Giám đốc Công ty
8	05/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Trịnh Công Đoàn làm Phó Giám đốc Công ty
9	06/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Trần Minh Nhựt làm Thư ký Công ty
10	07/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Bà Lê Thị Thanh Phượng làm Kế toán trưởng Công ty
11	08/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Trần Quang Anh Tuấn trợ lý Thư ký Công ty
12	09/QĐ-HĐQT	01/8/2017	Quyết định V/v thành lập Chi nhánh Cấp nước Ô Môn

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn đã tổ chức hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo về số lượng cuộc họp, số thành viên tham dự và các quan sát viên để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- Đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, khả thi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công tác giám sát hoạt động của Giám đốc, cán bộ quản lý được triển khai hiệu quả đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Sau khi họp nhất Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tập trung chỉ đạo, xây dựng Quy chế, quy định... để hoạt động.

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong thời gian này không ai tham gia

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

- Ông Huỳnh Minh Trung: Thành viên HĐQT, số cổ phiếu đầu kỳ là 64.335 CP, tỷ lệ 1,21%; số cổ phiếu cuối kỳ là 74.694 CP, tỷ lệ 1,40%; lý do mua;
- Bà Lâm Nguyệt Thanh: Thành viên HĐQT, số cổ phiếu đầu kỳ là 105.461 CP, tỷ lệ 1,98%; số cổ phiếu cuối kỳ là 115.800 CP, tỷ lệ 2,18%; lý do mua;
- Bà Lê Thị Thanh Phượng: Kế toán trưởng, số cổ phiếu đầu kỳ là 17.707 CP, tỷ lệ 0,33%; số cổ phiếu cuối kỳ là 12.538 CP, tỷ lệ 0,24%; lý do mua, bán;



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát
Trương Thanh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

 Bà Ngô Hồng Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 15/01/1978

Nơi sinh: Hậu Giang

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
8/2001 – 9/2007	Nhân viên quản lý hóa đơn – Chi nhánh CN Số 1– Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ
10/2007 – 3/2013	Kế toán trưởng – Xí nghiệp Cấp thoát nước Cần Thơ – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
3/2013 – 7/2015	Phó Giám đốc – Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước Cần Thơ – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
7/2015 – 7/2017	Phó Giám đốc – Xí nghiệp Xây lắp Thoát nước Cần Thơ –CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ; Thành viên BKS CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
8/2017- đến nay	Trưởng Ban kiểm soát —Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

 Ông Trương Thanh Hùng- Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 17/3/1983

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán Doanh nghiệp

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
02/2004 – 6/2006	Nhân viên ghi thu – Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc
7/2006 – 9/2011	Nhân viên ghi thu –CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc
10/2011 – 7/2017	Nhân viên Thủ kho –CTCP Cấp nước Trà Nóc
8/2017 – nay	Nhân viên ghi thu –CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn, Thành viên BKS Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn



Ông Hoàng Văn Khiêm- Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 11/11/1973

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế và Thạc sỹ báo chí

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 36.187 cổ phần - tỷ lệ 0,68% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
8 - 11/1993	Chiến sĩ –Tiểu đoàn Tây Đô – Bộ CHQS TP Cần Thơ
11/1993 – 6/1997	Quản lý Tài chính – Trung đoàn 932
6/1997 – 8/1999	Nhân viên tổ chức – Ban Tổ chức Phòng Chính trị Bộ CHQS tỉnh Cần Thơ
8/1999 – 01/2004	Trợ lý Dân Vận – Bộ CHQS tỉnh Cần Thơ
01/2004 – 8/2017	Trợ lý Tuyên Huấn – Bộ CHQS TP. Cần Thơ
9/2017 - nay	Chủ nhiệm Chính trị – Trung đoàn 932, Bộ CHQS TP. Cần Thơ
2007 – 7/2017	Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trà Nóc
8/2017 – nay	Thành viên BKS Công ty CP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:



Giám sát hoạt động quản trị và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.



Theo dõi việc áp dụng các chính sách lương thưởng cho người lao động.



Theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế về sản lượng sản xuất, doanh thu, chi phí ... thông qua các báo cáo định kỳ của từng bộ phận có chức năng.



Thường xuyên trao đổi với HĐQT, BGĐ về tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai dự án đầu tư, thay thế đường ống và tình hình quản trị nguồn nhân lực.

- ❖ Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng xây dựng, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn và minh bạch trong hoạt động tài chính.
- ❖ Tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng				
STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng	Thù lao năm 2017 (5 tháng)
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	5.400.000	27.000.000
2	Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT	2.000.000	10.000.000
3	Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT	2.000.000	10.000.000
4	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	2.000.000	10.000.000
5	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	2.000.000	10.000.000
6	Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	Hưởng lương chuyên trách	Hưởng lương chuyên trách
7	Ông Hoàng Văn Khiêm	Kiểm soát viên	1.800.000	9.000.000
8	Ông Trương Thanh Hùng	Kiểm soát viên	1.800.000	9.000.000
9	Ông Trần Minh Nhựt	Thư ký	2.000.000	10.000.000
10	Ông Trần Quang Anh Tuấn	Trợ lý	1.500.000	7.500.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Summary Report

Summary Of Sales (Percent)	
Product Type 1	17%
Product Type 2	6%
Product Type 3	8%
Product Type 4	3%
Product Type 5	4%
Product Type 6	6%
Product Type 7	7%
Product Type 8	9%
Product Type 9	11%
Product Type 10	14%
Product Type 11	
Product Type 12	



Summary Of Sales

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/8/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.309.803.890	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	534.844.941	-
1. Tiền	111		534.844.941	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.609.062.236	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.203.788.536	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	306.836.353	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.098.437.347	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	2.749.726.847	-
1. Hàng tồn kho	141		2.749.726.847	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		416.169.866	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	279.783.142	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		136.386.724	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/8/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.816.329.922	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.478.364.162	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	99.478.364.162	-
- Nguyên giá	222		141.706.946.442	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.228.582.280)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.657.100.794	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	11.657.100.794	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.680.864.966	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	6.680.864.966	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/8/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.391.876.133	-
I. Nợ ngắn hạn	310		25.050.294.089	-
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	4.586.252.591	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.100	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	480.095.324	-
4. Phải trả người lao động	314		845.975.773	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	1.199.969.035	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	7.903.431.814	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a,b	9.942.339.179	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		92.150.273	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.341.582.044	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13c	7.341.582.044	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/8/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.734.257.679	-
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	93.734.257.679	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.188.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.188.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.771.687.823	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(990.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.562.531.637	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.213.028.219	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.213.028.219	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.126.133.812	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Loan Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Phương

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2018

CHỖ ĐÓNG



Nguyễn Minh Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.455.296.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	19.455.296.605
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	10.487.172.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.968.124.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.723.172
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	319.829.244
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		319.829.244
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	231.331.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	1.541.899.134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		6.876.787.820
11. Thu nhập khác	31	VI.7	871.691.231
12. Chi phí khác	32	VI.8	269.351.446
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		602.339.785
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.479.127.605
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.166.099.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.313.028.219
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.168
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.168

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Loan Anh



Lê Thị Thanh Phượng



Huỳnh Minh Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.182.667.813
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.104.251.151)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.879.158.433)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(319.829.244)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.300.259.668)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.522.915.605
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(3.125.653.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.976.431.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.331.550.596)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		846.748.679
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.484.801.917)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	7.591.202.286
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(7.325.907.708)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(72.987.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		192.307.578

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		(316.063.169)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		850.908.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	V.1	<u>534.844.941</u>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Loan Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Phương

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2018



CHẤM ĐỌC



Huỳnh Minh Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trà Nóc và Công ty Cổ Phần Cấp Nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23/4/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn ("Công ty") hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2017.

Trụ sở chính: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, Thương mại, dịch vụ,...

4. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 78 nhân viên.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Niên độ kế toán từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2017 là niên độ kế toán đầu tiên của Công ty kể từ ngày hợp nhất hai Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trà Nóc và Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Ô Môn có hiệu lực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần đầu ngày 06/7/2017 nên Công ty không có thông tin so sánh cho số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tương ứng cùng kỳ của năm trước.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2017.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh nước và lắp đặt.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 27 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí nâng cấp, cải tạo, di dời các tuyến ống cấp nước.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí trang phục, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, chi phí kiểm nghiệm nước, phân bổ đồng hồ, chi phí sửa chữa thường xuyên trong nhà máy và ngoài mạng lưới và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí kiểm toán và chi phí thi công công trình cấp nước đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định áp dụng cho Công ty năm hiện hành cụ thể như sau:

- Thuế suất thuế TNDN 15%, áp dụng trong 12 năm kể từ khi Công ty CP Cấp Nước Trà Nóc bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, bắt đầu từ năm 2007 đến năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Theo đó, Công ty và các đơn vị trực thuộc của Công ty được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/8/2017
Tiền	534.844.941	-
Tiền mặt	1.880.382	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	532.964.559	-
Cộng	534.844.941	-

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/8/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.203.788.536	-	-	-
Khách hàng trong nước	2.203.788.536	-	-	-
Phải thu tiền nước	1.093.804.422	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	86.234.800	-	-	-
Công ty CP XDTM Xuân Thịnh	335.505.905	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Thái Quảng	253.539.808	-	-	-
Công Ty CP XD Thuận Thành	360.863.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	73.840.601	-	-	-
Cộng	2.203.788.536	-	-	-
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	86.234.800	-	-	-
Cộng	86.234.800	-	-	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/8/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	306.836.353	-	-	-
Nhà cung cấp trong nước	306.836.353	-	-	-
CN Cty CP ĐT XD số 10 IDICO - XN TV Thiết Kế	37.027.629	-	-	-
Công Ty TNHH Lợi Hưng Phát	47.750.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	222.058.724	-	-	-
Cộng	306.836.353	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác

	31/12/2017		01/8/2017		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn	2.098.437.347	-	-	-	348
Tạm ứng vật tư kho CNCN Ô Môn	853.183.776	-	-	-	IGT
Tạm ứng vật tư kho Trạm CN					PHÂN
Thới Lai	249.914.858	-	-	-	NƯỚC
Tạm ứng vật tư kho Trạm CN Cờ Đỏ	330.135.977	-	-	-	NÓC
Tạm ứng vật tư kho Đội thi công	12.674.553	-	-	-	(Ô)
Phí BVMT 6% để lại	56.864.086	-	-	-	TP. C
Tạm ứng	595.664.097	-	-	-	
Cộng	2.098.437.347	-	-	-	

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/8/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	2.749.726.847	-	-	-	
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	-	-	
Cộng	2.749.726.847	-	-	-	

6. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/8/2017		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
XDCB và sửa chữa Công trình mạng lưới cấp nước	11.657.100.794	-	-	-	
- Mua sắm	989.620.000	-	-	-	
- Xây dựng cơ bản	10.540.304.705	-	-	-	
Công trình ống chuyển tải D 400 gang từ cầu Gáo Đồi đến cầu Xẻo Khế	2.254.798.333	-	-	-	
Công trình ống chuyển tải D 400 gang từ cầu Ông Se đến QL 91	1.638.338.217	-	-	-	
Công trình ống chuyển tải D 400 gang đoạn từ cầu Bà Kè đến cầu Gáo Đồi	1.550.752.357	-	-	-	
Công trình ống chuyển tải D 400 gang từ cầu Xẻo Khế đến cầu Ông Se	1.799.583.671	-	-	-	
Các công trình khác	3.296.832.127	-	-	-	
Sửa chữa	127.176.089	-	-	-	
Cộng	11.657.100.794	-	-	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/8/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	279.783.142	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	279.783.142	
Chi phí trả trước dài hạn	6.680.864.966	
Trả trước về thuê đất xây dựng nhà máy	3.053.994.113	
Chi phí phân bổ đồng hồ thuê bao	1.189.421.592	
Chi phí mở rộng mạng lưới nhỏ	706.242.352	
Chi phí sửa chữa	1.158.488.870	
Công cụ, dụng cụ	572.718.039	
Cộng	6.960.648.108	-

9. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/8/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	4.586.252.591	4.586.252.591	-	-
Nhà cung cấp trong nước	4.586.252.591	4.586.252.591	-	-
Cty TNHH MTV Vật Tư Ngành Nước Trí Giang	1.638.164.450	1.638.164.450	-	-
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	250.000.000	250.000.000	-	-
Cty TNHH MTV TMDV XD Bảo Gia	1.025.576.770	1.025.576.770	-	-
Cty TNHH TM & DV Minh Nghi	400.000.000	400.000.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.272.511.371	1.272.511.371	-	-
Cộng	4.586.252.591	4.586.252.591	-	-

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	250.000.000	250.000.000	-	-
Cộng	250.000.000	250.000.000	-	-

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/8/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Thuế GTGT đầu ra	-	246.205.351	246.205.351	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.091.720.399	1.663.549.796	428.170.603
Thuế thu nhập cá nhân	-	149.913.188	116.266.667	33.646.521
Thuế tài nguyên	-	123.922.460	105.644.260	18.278.200
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	-	3.512.861.398	2.933.665.014	480.095.324

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/8/2017
Ngắn hạn	1.199.969.035	-
Trích trước chi phí thi công công trình cấp nước	1.035.894.035	-
Các khoản trích trước khác	164.075.000	-
Cộng	1.199.969.035	-

12. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2017	01/8/2017
Phí bảo vệ môi trường	233.942.222	-
Cổ tức phải trả	7.634.936.765	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.552.827	-
Cộng	7.903.431.814	-

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		01/8/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	4.990.339.179	4.990.339.179	-	-
(1) Vietcombank - CN. Tây Cần Thơ	4.990.339.179	4.990.339.179	-	-
b. Vay dài hạn đến hạn trả	4.952.000.000	4.952.000.000	-	-
(2) Vietcombank - CN. Tây Cần Thơ	4.030.000.000	4.030.000.000	-	-
(3) Vietcombank - CN. Cần Thơ	922.000.000	922.000.000	-	-
c. Vay dài hạn	7.341.582.044	7.341.582.044	-	-
(2) Vietcombank - CN. Tây Cần Thơ	3.698.201.284	3.698.201.284	-	-
(3) Vietcombank - CN. Cần Thơ	3.643.380.760	3.643.380.760	-	-
Cộng	17.283.921.223	17.283.921.223	-	-

Thuyết minh các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ:

- (1) Hợp đồng vay số 02/2017/VCBTCT-KHDN, ngày 25/05/2017. Mục đích vay: Mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 5 tỷ đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 6,20%/năm. Số dư cuối năm: 4.990.339.179 đồng. Biện pháp bảo đảm: Hệ thống cấp nước các tuyến ống.
- (2) Hợp đồng vay số 05/2017/VCBTCT-KH, ngày 31/07/2017. Mục đích vay: Mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 18 tỷ đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 7,6%/năm. Số dư cuối năm: 7.728.201.284 đồng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Số 02/VCBCT ngày 25 tháng 01 năm 2014. Mục đích vay: Thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Thới Lai. Hạn mức vay: 2 tỷ đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 10%/năm (thay đổi định kỳ 6 tháng/lần). Biện pháp bảo đảm: Mạng lưới cấp nước huyện Thới Lai, trị giá: 2,2 tỷ đồng.
- (3) Số 18/VCBCT ngày 31 tháng 07 năm 2015. Mục đích vay: Thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Hạn mức vay 6,5 tỷ đồng. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay: 9,3%/năm. Biện pháp bảo đảm: Hệ thống tuyến ống chuyển tải D300 gang, đang thi công tại quốc lộ 91, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, trị giá 7.728.201.284 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 28.

b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/8/2017
Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	65,42%	34.796.830.000	-
Các cổ đông khác	34,58%	18.391.170.000	-
Cộng	100,00%	53.188.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2017

Vốn góp của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	-
Vốn góp tăng trong năm	53.188.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-
Vốn góp cuối năm	53.188.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d. Cổ phiếu

31/12/2017

01/8/2017

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.318.800	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.318.800	-
Cổ phiếu phổ thông	5.318.800	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	99	-
Cổ phiếu phổ thông	99	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.318.701	-
Cổ phiếu phổ thông	5.318.701	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	-

e. Các quỹ của doanh nghiệp

31/12/2017

01/8/2017

Quỹ đầu tư phát triển	14.562.531.637	-
Cộng	14.562.531.637	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2017

Doanh thu sản xuất và thoát nước	18.280.870.096
Doanh thu lắp đặt, công trình, chuyển nhượng...	1.174.426.509
Cộng	19.455.296.605

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2017

Doanh thu thuần sản xuất và thoát nước	18.280.870.096
Doanh thu thuần lắp đặt, công trình, chuyển nhượng...	1.174.426.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giá vốn hàng bán	Năm 2017
Giá vốn của hoạt động sản xuất nước và thoát nước	9.310.759.762
Giá vốn của hoạt động lắp đặt, công trình và chuyển nhượng...	1.176.412.735
Cộng	10.487.172.497
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.723.172
Cộng	1.723.172
5. Chi phí tài chính	Năm 2017
Lãi tiền vay	319.829.244
Cộng	319.829.244
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017
a. Chi phí bán hàng	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	231.331.082
Cộng	231.331.082
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên	653.795.809
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.190.080
Thuế, phí, lệ phí	174.115.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.991.601
Chi phí bằng tiền khác	418.806.358
Cộng	1.541.899.134
7. Thu nhập khác	Năm 2017
Nhận tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	846.748.679
Thu tiền điện câu đui	7.224.375
Các khoản khác	17.718.177
Cộng	871.691.231
8. Chi phí khác	Năm 2017
Thanh lý tài sản cố định	269.351.446
Cộng	269.351.446
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.315.205.572
Chi phí nhân công	4.653.737.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.668.242.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.455.271
Chi phí khác bằng tiền	737.764.217
Cộng	11.467.405.281

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.479.127.605
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
3. Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (1+2)	7.470.127.605
Thu nhập chịu thuế suất 20%	911.604.939
Thu nhập chịu thuế suất 15%	6.558.522.666
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.166.099.386
Thuế suất 20%	182.320.986
Thuế suất 15%	983.778.400
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.166.099.386
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.313.028.219
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(100.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(100.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.213.028.219
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.318.701
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.168
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	1.168

(*): Số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2017 chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán trừ số liệu của quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích.

(**): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2017.

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	10.050.339.179	7.233.582.044	-	17.283.921.223
Phải trả người bán	4.586.252.591	-	-	4.586.252.591
Chi phí phải trả và phải trả khác	1.199.969.035	-	-	1.199.969.035
Cộng	15.836.560.805	7.233.582.044	-	23.070.142.849

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản để thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần phương tiện vận tải, truyền dẫn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.13 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 29)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không phát sinh

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Năm 2017

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

7.591.202.286

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Năm 2017

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

(7.325.907.708)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không phát sinh

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu /(phải trả)
Cty CP Cấp Thoát Nước Cần Thơ	Công ty mẹ	Mua hàng	104.026.050	(250.000.000)
		Phải trả cổ tức	-	(3.225.941.897)
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thu nhập của Thành viên chủ chốt**Năm 2017**

Thành viên chủ chốt

Thù lao, lương
và thưởng

442.535.930

Cộng**442.535.930****3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Do đó, Ban Giám đốc công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

4. Thông tin về hoạt động liên tục:

Công ty CP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hợp nhất có trách nhiệm tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản, các khoản công nợ phải thu (kể cả nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý xóa sổ được theo dõi trên hệ thống quản trị của doanh nghiệp), các khoản nợ phải trả, các khoản lỗ lũy kế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty bị hợp nhất. Do vậy, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Loan Anh

Lê Thị Thanh Phương**Huỳnh Minh Trung**

N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
<i>Mua trong năm</i>	-	452.509.000	620.454.545	158.890.909	1.231.854.454	
<i>ĐT XDCB h. thành</i>	-	-	1.459.559.035	-	1.459.559.035	
<i>Tặng do hợp nhất các Công ty</i>	29.863.038.004	21.063.574.892	88.147.448.042	246.861.936	139.320.922.874	
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(305.389.921)	-	(305.389.921)	
Số dư cuối năm	29.863.038.004	21.516.083.892	89.922.071.701	405.752.845	141.706.946.442	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	618.054.838	453.563.138	1.578.436.334	18.188.049	2.668.242.359	
<i>Tặng do hợp nhất các Công ty</i>	12.376.941.178	16.455.028.090	10.631.555.857	132.853.271	39.596.378.396	
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(36.038.475)	-	(36.038.475)	
Số dư cuối năm	12.994.996.016	16.908.591.228	12.173.953.716	151.041.320	42.228.582.280	
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	16.868.041.988	4.607.492.664	77.748.117.985	254.711.525	99.478.364.162	

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.374.688.645 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.180.835.567 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không có.

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

NGUYỄN VĂN Đ

NGUYỄN VĂN Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ăm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
tại ngày 01/8/2017	-	-	-	-	-	-
thuận trong kỳ	-	-	-	-	6.313.028.219	6.313.028.219
lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
do hợp nhất các Công ty	53.188.000.000	-	19.771.687.823	14.562.531.637	-	87.522.219.460
khác	-	(990.000)	-	-	-	(990.000)
tại ngày 31/12/2017	53.188.000.000	(990.000)	19.771.687.823	14.562.531.637	6.213.028.219	93.734.257.679

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC-Ô MÔN



BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2017

Cần Thơ, ngày 18 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hữu Lộc